

# ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH TÙY SỐ DIỄN NGHĨA SAO

## QUYỂN 87

Sớ câu: “Thứ ba là Ưu bà di Cự Túc dựa nơi Hành không trái nghịch”: Nhẫn thuận hợp với lý của vật, gọi là không trái nghịch.

Sớ từ câu: “Lại, biểu thị về Nhẫn ắt tự hạ mình” tiếp xuống: Trên là căn cứ trực tiếp nơi y báo của thiện tri thức để giải thích. Từ đây trở xuống là căn cứ chỗ biểu thị về quả vị để giải thích. Nhẫn ắt khiêm nhường, hạ mình. Hạ thấp nhưng không gì có thể vượt hơn, nên nhỏ mà sự dung nạp lớn.

Trên là chung nơi ba Nhẫn. Pháp nhẫn đồng với Như, tức quán xét kỹ về pháp nhẫn. “Trong là Không, ngoài là Giả” là dùng đất thích hợp để làm vật chứa đựng, tương đương cái Dụng của vật chứa đựng không có thì tức Giả là chủ thể dụng; tức Không là chủ thể tạo lớn. Không có cái có chẳng thành nơi Không, nên nhân cái giả bên ngoài mà trong có chỗ dùng. Lão Tử nói: “Cho nên ta tưởng cái có là có lợi cho mình, nhưng chính cái không mới làm cho cái có hữu dụng”.(Theo bản dịch của Nguyễn Hiến Lê). Không có cái “Không thì chẳng thành nơi Giả, nên Không có thể dung nạp nhiều. Hai thứ ấy không hai là vật chứa đựng trung đạo.

Sớ: “Hai Thừa tuy không lập tên Nhẫn”: Nghĩa như nơi phần Huyền đàm đã nêu.

Sớ câu: “Căn cứ nơi Sự như việc thọ nhận cháo sữa”: Tức đức Thế Tôn khi mới thành đạo đã thọ nhận cháo sữa nơi hai người nữ chăn nuôi bò, sự việc này cũng như phần trước đã dẫn. “Căn cứ nơi pháp là bữa ăn, là nhẫn tịch diệt thượng phẩm”: Thượng phẩm thuộc về Phật nên như nơi phẩm mười Nhẫn đã nói.

Sớ Câu: “Kinh Tịnh Danh nói về Phật Hương Tích, so với đây, đại thể là giống nhau”: Nghĩa là thọ thực đã đạt được quả Thánh. Nhưng kinh Tịnh Danh có hai chỗ vẫn nói về sự việc này:

Một: Nơi phẩm “Hương Tích”: Lấy cơm đem về xong, Trưởng



giả Duy Ma nói với Tôn giả Xá-lợi-phất và các vị Đại Thanh văn: “Xin chư vị có thể thọ thực. Cơm với hương vị cam lồ nầy của Như Lai là do đại bi xông ướp, vậy xin đừng dùng tâm ý hữu hạn mà thọ thực, khiến không thọ được.”

Đại sư Đạo Sanh giải thích: “Do chỗ vừa nhớ nghĩ kia nên chỉ dạy việc thọ thực. Cũng muốn nhân đây để nêu rõ về thọ thực là lý. Nê hoàn là pháp cam lồ, nhưng thọ thực thì việc thọ thực nầy ắt do đây mà đạt được, nên trong cơm có vị cam lồ”.

- Nói: “Do đại bi xông ướp”: Tức khiến người được giác ngộ là nghĩa xông ướp từ bên ngoài. Há cho rằng thọ thực là có thể đạt diệu lực của đại bi? Thế thì cơm là hơi, đại bi là sự xông ướp.

- “Không dùng tâm ý hữu hạn”: Cơm xuất sinh từ đại bi tức là vô hạn. “Nhưng nói hạn là ít,” tức chẳng tiêu.

**Giải thích:** Đây chính là do bi xông ướp việc ăn, nên được quả Niết-bàn. Dùng quả để biện minh về nhân là vị cam lồ. Chưa nói việc ăn tức tiêu biểu nơi Niết-bàn. Nếu tức ăn là lý của Niết-bàn thì nghĩa ấy khéo thành tự hơn.

Hai: Nơi phẩm “Bồ-tát hành”. Nhân Tịnh Danh, Văn Thù yết kiến, lễ bái đức Thế Tôn. Tôn giả A Nan cho là lạ, hỏi Phật: Con nghe có mùi thơm mà trước đây chưa từng có. Vậy hương thơm ấy là gì? Phật bảo: Đó là hơi thơm xuất phát từ những lỗ chân lông của Bồ-tát. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng nói: Nơi những lỗ chân lông của chúng tôi cũng phát ra hơi thơm ấy. Hỏi: Hơi thơm ấy từ đâu mà có? Đáp: Việc thọ thực là cơm thơm. Tôn giả A Nan hỏi Trưởng giả Duy Ma: Hơi thơm ấy trụ được bao lâu? Trưởng giả Duy Ma nói: Trụ cho đến khi cơm ấy tiêu hết. Cơm nầy tồn tại bao lâu mới tiêu? Cơm nầy tồn tại đến bảy ngày mới tiêu. Lại nữa, thưa Tôn giả A Nan! Nếu là người của hàng Thanh văn chưa nhập chánh vị, thì ăn cơm nầy tới khi nhập chánh vị mới tiêu. Đã nhập chánh vị, thì đến khi đạt tâm giải thoát mới tiêu. Nếu chưa phát tâm Đại thừa, ăn cơm nầy thì đến khi phát tâm mới tiêu. Đã phát tâm rồi, ăn cơm nầy thì đến lúc đạt Pháp nhãn Vô sinh mới tiêu. Đã được Pháp nhãn Vô sinh rồi, ăn cơm nầy thì đến khi đạt quả vị Nhất sinh Bồ xứ mới tiêu. Ví như có thần dược tên là Thượng Vị, người uống vào thì các chất độc trong người diệt hết, thần dược ấy mới tiêu. Cơm nầy cũng vậy, diệt trừ hết chất độc của tất cả phiền não rồi mới tiêu.”

Phần Sớ giải kia đã giải thích rộng về tướng xong, nêu câu hỏi: “Cơm thơm là sắc pháp, vì sao có thể đoạn trừ phiền não?”

Đại sư Tuệ Viễn giải thích: “Do đại bi nên cơm thơm có diệu lực

chẳng thể nghĩ bàn, nên có thể đoạn trừ phiền não. Như Chuyển Luân vương có một chiếc giường báu, khi Thánh vương ngự nơi giường ấy tức có thể lia dục đạt đến Tứ Thiên. Ngọc nữ tuy nhìn thấy nhưng như xem tượng Phật, tâm dục chẳng sinh. Huống chi là cảnh giới được thọ nhận của Bồ-tát, Phật. Như kinh Hoa Thủ nói: Bồ-tát có một cái mũ soi chiếu Pháp tánh. Khi đội mũ ấy lên thì tất cả các pháp thấy đều hiện nơi tâm. Các sự việc cũng thế.” Đại sư Khải nói: “Tuy có giải thích như thế mà đạo lý không phải vậy. Há có tánh của sắc pháp có thể đoạn trừ hoặc. Chỉ do cơm thơm trợ giúp phát sinh ra quán trí, có thể đoạn trừ phiền não, chứ chẳng phải là Thể của việc ăn cơm ấy là chủ thể đoạn trừ.

**Giải thích:** Đây cũng là ý của các bậc Cổ đức, đều chưa thỏa đáng lắm. Vả lại, căn cứ vào Thắng duyên để giải thích về cơm thơm, chẳng biết đó là để tiêu biểu pháp môn. Đại sư Đạo Sanh giải thích hơi gần đến Lý vì vậy nói bảy ngày tiêu hóa tức chẳng quá bảy ngày là nói Nhất sinh Bồ xứ, tức nội trong bảy ngày ấy có chỗ chứng đắc. Tuy nhiên tỏ ngộ của một việc ăn, cũng không được có hai bước tiến. Nay chỉ dừng ở lại Nhất sinh bồ xứ tức hiển bày Phật không nhân đó mà đắc. Bồ-tát vô sinh và người nhập Chánh vị há có nhờ vả bên ngoài mới được bên trong thăng tiến ư? Mà kinh nói như vậy, là để nói rõ cơm này là chỗ tốt cùng của việc tuyên bày về Lý, hoàn bị có nghĩa như thế.

**Giải thích:** Đây cho là ý biểu thị về Lý. Tuy nhiên ý của việc ăn trong Kinh Tịnh Danh nói là chung cho Lý Trí và Đại bi. Cơm vị cam lộ tức ba đức Niết-bàn. Nơi kinh Niết-bàn cũng dùng Niết-bàn để dụ cho cam lộ hơn cơm thơm ấy tức biểu thị Đại bi Từ thể dấy khởi Dụng xông ướp chúng sinh. Cho nên nay ở đây dựa vào quả vị tiêu biểu nơi Nhẫn. Nhẫn chung cả năm Nhẫn, không pháp nào là không thu nhiếp, chủ thể nhẫn là Trí, đối tượng Nhẫn là Lý, rộng thuyết lợi tha là Đại bi xông ướp. Rõ ràng là kinh Tịnh Danh nói: Đắc Nhẫn thi tiêu hóa”, tức cũng là ý bao gồm năm Nhẫn. Nếu không giải thích như đây, thì vẫn là thiếu cận vậy

Sớ câu: “Thứ tư là cư sĩ Minh Trí dựa nơi hành không chịu khuất phục quấy nhiễu”: Tức siêng năng, không biếng trễ, thối chuyển.

Sớ câu: “Cùng trong bốn Trụ sinh ra”: Bốn trụ phát sinh ngôi nhà của Thánh giáo. Do ba Hiền, mười Thánh đại loại là giống nhau, nên trước đồng với bốn trụ, sau đồng với bốn địa.

Sớ câu: “Ăn có năm quả”: Tức nơi kinh Đại Bát Niết-bàn quyển thứ hai, đức Như Lai nói với Thuần Đà: “Như Lai hôm nay ban cho ông về thọ mạng, sắc, lực, an lạc, biện tài vô ngại. Do dưng cúng thức ăn

nên thọ mạng tăng trưởng, sắc tướng tăng trưởng lực dụng tăng trưởng, an lạc tăng trưởng, biện tài tăng trưởng, nên gần đạt được năm thứ ấy.” Do là vô thường nên chung cuộc được năm thứ Thường đều như nơi phẩm Hồi Hưởng đã giải thích. Nay ở đây đã phối hợp đủ.

Sớ câu: “Thứ năm là Trưởng giả Pháp Bảo Kế dựa nơi hành không si loạn”: Do tuệ hỗ trợ cho định, nên tĩnh mà soi chiếu không sót. Động mà không lìa tịch gọi là “Không si loạn”.

Sớ câu: “Tìm xem giáo pháp, hiểu được tức bốn môn của giáo”: Chỉ căn cứ nơi sự giảng giải về diệu chỉ để chia làm hai thứ bốn môn. Tức căn cứ nơi giáo là tín hành. Căn cứ nơi lý là pháp hành. Nếu dựa theo kinh với bản dịch mới thì ngôn từ, sắc diện đều là hai môn nên có tám môn, thì cũng có thể. Tức dựa nơi bốn môn với chỗ còn mất chẳng đồng thành ra tám.

Một là Hữu môn, thấy tâm là diệu hữu mà nhập pháp giới tức là “Hữu môn”. Nếu chọn lấy nơi Có, tức loại bỏ tướng Có, gọi là “Phi Hữu môn”. Trong hữu ấy là có hai.

Hai là Không môn, tức nhận biết chỗ không tịch của pháp, đó là “Không môn”. Do Không là Không môn, nên theo phương tiện nói: “Phi Không môn”.

Ba là, nếu cho vọng hoặc gốc là Không, chân trí là chẳng không, tức là “Môn cũng Có cũng Không”. Nghĩa là có hai Thể, môn này cũng là quyền. Cho nên nói vọng nhân nơi chân mà lập. Vọng không có nguồn của vọng. Chân đối với vọng để nêu chân chứ chẳng phải là chân. Tức cả hai cùng tồn tại, cùng dứt mất, là môn “Cũng Có, cũng chẳng phải là Có; cũng Không, cũng chẳng phải là không”.

Bốn là, như muốn nêu về Có kia là vô tướng, vô danh. Muốn nói về Không ấy là chỗ linh diệu của bậc Thánh, tức môn: “Chẳng phải là Có, chẳng phải là Không”.

Nếu vướng mắc nơi chỗ “cùng phủ nhận cả hai” thì chưa vượt khỏi hý luận, nên lại loại trừ. Môn “cùng phủ nhận cả hai” ấy, vì chỉ là ngăn chặn làm chỗ biểu thị của nó. Chỉ ngăn chặn nên đồng với không. Có biểu thị đồng với có tức trở lại thành Có, Không. Chỗ cùng phủ nhận ấy, ngôn ngữ, tư duy cũng dứt tuyệt, gọi là môn: “Chẳng phải chẳng phải là Không”. Cho nên có tám môn. Đạt được ý là môn. Mất ý thì tám thứ ấy cũng chẳng phải là môn.

Sớ câu: “Thứ sáu là Trưởng giả Phổ Nhãn dựa nơi Hành thiện hiện”: Tuệ có thể hiển bày, phát sinh lý của ba đế, tức Bát-nhã hiện tiền.

Sớ từ câu: “Vô lượng có hai” tiếp xuống: Văn nơi phần Sớ giải gồm hai:

Một: Giải thích về vô lượng.

Hai: Từ câu: “Tri kiến” tiếp xuống: Là giải thích về tri kiến. Phần này cũng gồm hai :

- Thứ nhất: Bàn về phần riêng, dựa nơi Luận Pháp Hoa

- Thứ hai: Bàn về phần chung, tức Luận Bát-nhã.

**Luận viết:** “Như Lai thấy đều biết (Tri) các chúng sinh ấy, là đủ rồi. Vì sao còn nói Như Lai thấy đều thấy (Kiến) các chúng sinh ấy. Vì nếu chẳng nói Như Lai thấy đều thấy (Kiến) các chúng sinh ấy, thì hoặc có người cho là Như Lai đã dùng trí so sánh để biết (Tri) tức sợ sanh tâm như thế. Nếu vậy thì chỉ nói Như Lai thấy đều thấy (Kiến) các chúng sinh ấy, là đủ rồi đủ. Do đâu còn nói Như Lai thấy đều biết (Tri) các chúng sinh ấy? Vì nếu không nói Như Lai thấy đều biết (Tri) các chúng sinh ấy, thì hoặc có người cho là Như Lai đã dùng nhục nhãn... để thấy (Kiến). Nhằm ngăn chặn ý đó, vì thế đã nói hai chữ tri, kiến”.

- Luận Công Đức Thí, quyển thượng, viết: “Do đâu tri, kiến cùng được nói đến? Vì nhằm mở bày làm rõ về Nhất thiết trí. Ở đây lại là nghĩa thế nào? Là do chú trọng về các cảnh giới chẳng? Nhưng hiện giác chẳng phải như trí so sánh, thấy khởi thì biết là có lửa. Như vậy là chẳng thể soi chiếu, thấu tỏ về chỗ sai biệt của các tướng. Cũng chẳng phải như nhục nhãn thấy các vật thô, gần. Các thứ vi tế, nơi xa tức chẳng thể nhận biết, chỉ tùy theo người khác nói, hoặc như trường hợp kia.

- Trí luận, quyển thứ hai mươi chín, trong phần nêu rõ về mười tám pháp bất cộng, giải thoát không giảm. Luận hỏi: Giải thoát tri kiến, chỉ nên nói tri, vì sao lại nói kiến? Đáp: Nói tri, nói kiến tức về sự là đạt được lời nói chắc chắn. Như sợi dây được gấp đôi tức là chắc. Lại nữa, nếu chỉ nói tri tức không thấu tóm tất cả tuệ. Như nơi A Tỳ Đàm đã nói, tuệ có ba thứ :

Có Tri, chẳng phải là Kiến.

Có Kiến, chẳng phải là Tri.

Có cũng Tri cũng Kiến.

- “Có Tri, chẳng phải là Kiến”: Tức nhận biết (Tri) tận cùng về trí vô sanh, nhận biết về năm thức tương ứng.

- “Có Kiến, chẳng phải là Tri”: Là tám nhãn, chánh kiến của thế gian năm tà kiến.

- “Có cũng Tri cũng Kiến”: Các sư khác cho các tuệ, hoặc nói tri nghĩa là chẳng thấu tóm kiến. Nếu nói kiến tức thấu tóm tri. Do đó, nói

tri, kiến tức gồm đủ. Lại nữa, như theo người để đọc tụng, phân biệt, trừ tính, đó gọi là tri. Tự thân có thể chứng đắc, đó gọi là kiến. Ví như tai nghe sự việc hã y còn có sự nghi ngờ, gọi là tri. Đích thân tự nhìn thấy, thấu rõ, không còn nghi ngại, gọi là kiến. Trong giải thoát, tri kiến cũng có những sai biệt như thế.

- Luận Du Già, quyển thứ tám mươi sáu viết: “Hỏi: Tri, kiến có những sai biệt gì? Đáp: Soi chiếu về quá khứ cùng vị lai, chẳng phải là cảnh giới về hiện kiến, tuệ ấy gọi là tri. Soi chiếu về cảnh giới hiện tại, tuệ ấy gọi là kiến. Lại, đối tượng được chọn lấy làm duyên, tuệ ấy gọi là tri. Chủ thể chọn lấy làm duyên, tuệ ấy gọi là kiến. Lại, chỗ thành tựu của Văn, Tư; Tuệ ấy gọi là tri. Chỗ thành tựu của Tu, tuệ ấy gọi là kiến. Lại nữa, có thể đoạn trừ phiền não, tuệ ấy gọi là tri. Đoạn trừ phiền não rồi, có thể chứng đắc giải thoát, tuệ ấy gọi là kiến. Lại nữa, duyên nơi cảnh của tự tướng, tuệ ấy gọi là tri. Duyên nơi cảnh của cộng tướng, tuệ ấy gọi là kiến. Lại nữa, tìm cầu các pháp, tuệ ấy gọi là tri. Đã tìm cầu rồi thì quán xét các pháp, tuệ ấy gọi là kiến. Lại nữa, duyên nơi ảnh tượng không phân biệt, tuệ ấy gọi là tri. Duyên nơi ảnh tượng có phân biệt làm cảnh, tuệ ấy gọi là kiến. Lại, có sắc với ảnh tượng “nhĩ diện” làm duyên, tuệ ấy gọi là kiến. Không sắc với ảnh tượng “nhĩ diện” làm duyên, tuệ ấy gọi là tri.”

**Giải thích:** “Nhĩ diện” là đối tượng được duyên.

- Luận Thành Thật, quyển thứ mười chín, phẩm Tri, Kiến viết: Hỏi: Chánh kiến với chánh tri có sai biệt gì? Đáp: Tức là một thể, không có sai biệt. Chánh kiến có hai thứ : Thế gian và Xuất thế gian. “Thế gian” tức là có tội, phước... Xuất thế gian tức là có thể tạo sự bình đẳng toàn diện. Chánh trí của các đế cũng vậy. Cho đến hỏi: Trong kinh nói về tri, kiến tức đồng với dứt sạch lậu. Vậy chúng có những sai biệt gì? Đáp: Như trí, đầu tiên phá trừ hoặc gọi là tri. Hội nhập trọn vẹn nơi các quả vị, gọi là kiến. Mới quán, gọi là tri. Thấu đạt, gọi là kiến. Tức có những sai biệt về sâu cạn như thế.

- Luận Câu Xá, quyển thứ hai mươi sáu biện minh chung về nhãn, trí, kiến có khác biệt. Luận viết: “Nơi phần đầu của phẩm trước nơi dựa, nơi pháp nhãn, pháp trí. Phần sau lại nói chánh kiến, chánh tri. Là có nhãn chẳng phải là trí chẳng? Là có trí chẳng phải là kiến chẳng? Tụng viết:

*“Nhãn Thánh tuệ, phi Trí  
Tận, Vô sanh, không kiến  
Hai khác, Tuệ hữu lậu*

*Đều Trí, sáu Kiến tánh.”*

**Giải thích:** Câu đầu, câu thứ ba, chữ “Hai khác” là biện minh về tuệ vô lậu. Từ chữ “Hữu lậu” trở xuống là nêu rõ về tuệ hữu lậu.

“Nhãn Thánh tuệ phi Trí”: Nhãn của Thánh tuệ tức là tám nhãn trong kiến đạo. Nhãn chẳng phải là tánh của trí. Quyết đoán gọi là trí. Khi nhãn dấy khởi thì cùng với “chẳng phải đạt được” kết hợp, chưa thành quyết đoán nên chẳng gọi là trí.

“Tận, Vô sanh, chẳng phải là Kiến”: Tận trí và Vô sinh trí chẳng gọi là kiến. Suy xét, lường tính gọi là kiến. Hai trí ấy, đã dứt mọi tâm cầu đạt, chẳng phải là suy lường, nên chẳng gọi là kiến.

“Hai khác”: Tức tuệ vô lậu khác đều chung nơi hai tánh của trí, kiến. Đã đoạn trừ nghi hoặc nên cho là tánh của suy xét, lường tính.

“Tuệ Hữu lậu đều Trí, sáu kiến tánh”: Các tuệ hữu lậu đều thấu tóm nơi tánh của trí, trong đó chỉ có sáu cũng là tánh của kiến. Nghĩa là năm thứ kiến như Thân kiến cùng với chánh kiến của thế gian. Như trên nói Thánh tuệ cùng tuệ hữu lậu đều là trạch pháp nên cùng chung nơi chỗ thấu tóm của tánh.

- Luận Đại Bà Sa, quyển thứ chín mươi lăm, viết: “Cho nên phân biệt đầy đủ về chỗ sai khác nơi ba tự tánh của kiến, trí, tuệ”. Thế nào là kiến? Đáp: Năm kiến của nhãn căn chánh kiến của thế tục, kiến của bậc hữu học, vô học. Hỏi: Do đâu nhãn căn được gọi là kiến? Đáp: Do bốn sự:

Một là Hiền Thánh nói.

Hai là Thế tục nói.

Ba là khế kinh nói.

Bốn là Hiệ thấy ở đời.

Hỏi: Do đâu năm thứ ấy gọi là kiến? Đáp: Do bốn sự:

Một là xem thấy. Tức chủ thể xem thấy cảnh giới được chọn ứng hợp.

Hai là quyết định. Nghĩa là có thể quyết định chỗ ứng hợp nơi cảnh giới được chọn.

Ba là chấp giữ vững chắc. Tức ở nơi cảnh giới của mình chấp giữ hết sức vững chắc. Chẳng phải là quán của Thánh đạo thì chẳng thể khiến xả bỏ.

Bốn là vào sâu. Tức nơi đối tượng được duyên thâm nhập thông suốt như cây kim găm xuống đất bùn.

Gọi là “Chánh kiến của thế gian”: Tức là ý thức thiện tương ứng với tuệ, là tánh của kiến, nên gọi là kiến.



“Kiến của bậc hữu học”: Nghĩa là học về tuệ hữu lậu.

“Kiến của bậc vô học”: Tức chánh kiến của bậc vô học.

Hai thứ ấy cùng là tánh của kiến nên gọi là kiến.

Năm kiến là cảnh như đêm tối thấy sắc. Chánh kiến của thế gian đối với cảnh cũng như đêm trời trong, thấy sắc. Kiến của bậc hữu học ở nơi cảnh cũng như ban ngày âm u, thấy sắc. Kiến của bậc vô học, đối với cảnh cũng như ban ngày trời trong, thấy sắc.

Thế nào là trí? Đáp: Năm thức tương ứng với tuệ, ngoại trừ tuệ vô lậu. Ý thức còn lại tương ứng với tuệ.

Năm thức tương ứng với tuệ có ba thứ: Một là thiện. Hai là nhiễm ô. Ba là vô phú vô ký.”

Các luận khác nói các kiến là trí đoạn, nên tạo ra bốn luận chứng:

Một: “Có Kiến chẳng phải là Trí”. Nghĩa là nhãn căn cùng với nhãn của tuệ vô lậu.

Hai: “Có Trí chẳng phải là Kiến”. Tức năm thức thân tương ứng với tuệ, với tận, vô sinh trí. Năm kiến còn lại cùng với chánh kiến của thế gian. Ý thức còn lại tương ứng với tuệ hữu lậu.

Ba: “Có kiến cũng có trí”. Nghĩa là năm kiến, chánh kiến của thế gian, trừ nhãn vô lậu cùng với tận trí, vô sanh trí. Tuệ hữu lậu còn lại tức tám trí của bậc hữu học cùng chánh kiến của bậc vô học. Tuệ vô lậu này, cùng với năm kiến trước, chánh kiến của thế gian đều có đủ hai thứ tướng của kiến, trí, nên thuộc luận chứng thứ ba.

Bốn: “Có, chẳng phải là kiến, chẳng phải là trí”: Tức là loại trừ tướng ở trước. Tướng là chỗ có. Chỗ có, hoặc là tên gọi, hoặc là pháp. Chỗ biểu thị của ba luận chứng trước ấy đều gọi là tướng. Trừ đây, còn pháp khác là luận chứng thứ tư. Nghĩa tiếp theo là diễn rộng. Trước giờ nơi một kinh nhiều lần có nói đến, không ngại văn được nêu dẫn nhiều.

Sớ câu: “Quyển thuộc Bát-nhã”: Bát-nhã có năm:

Một: Thật tướng Bát-nhã, tức lý của đối tượng được chứng đắc.

Hai: Quán chiếu Bát-nhã, tức trí của chủ thể chứng đắc.

Ba: Văn tự Bát-nhã, tức giáo pháp của chủ thể giảng giải. Xưa chỉ nói có ba thứ. Theo mới thì nói có năm, tức thêm:

Bốn: Cảnh giới Bát-nhã. Thật tướng chỉ tỏ ngộ về cảnh chân thật gồm luôn Thể của Hậu Đắc Trí. Nay thì cảnh giới là chung cả sự, tức cảnh của sáu trần đều là cảnh giới.

Năm: Quyển thuộc Bát-nhã: Tức các tâm, tâm sở đồng thời tương

ưng với tuệ. Nay ở đây, gồm đủ năm thành trì là thật tướng. Trưởng giả (Phổ Nhân) là quán chiếu. Trong chỗ giải thích về vô lượng đã có cảnh giới. Nay có quyển thuộc, văn tự chung cho bốn thứ.

Số câu: “Mười câu tiếp theo là biện minh riêng về nhân của mười độ, cảm ứng nơi quả của mười thân”: Trong phần Sở giải chỉ xét nơi văn để giải thích trực tiếp, mười độ này cũng tức là mười thân của Như Lai như Bồ đề, Nguyện...

Một: Bồ thí Ba-la-mật (Thí độ) tức thân tướng hảo trang nghiêm.

Hai: Trì giới Ba-la-mật, đạt được ý sanh thân do đến khắp.

Ba: Nhân nên đạt được thân uy thế.

Bốn: Tinh tấn nơi muôn hành nên thành tựu thân Bồ đề.

Năm: Thiên định đạt được phước đức không gì hơn.

Sáu: Hiện bày Pháp thân.

Bảy: Thành tựu hóa thân.

Tám: Cũng thành Nguyện thân.

Chín: Trở lại thành lực trì thân.

Mười: Cũng thành Trí thân.

Một câu sau cùng là làm thanh tịnh chung nơi mười thân.

Số câu: “Thứ bảy là vua Vô Yểm Túc dựa nơi Hành không chấp trước”: Theo phương tiện để tiếp cận với Có. Chẳng mê chấp nơi Không; sự, lý không vướng mắc, chẳng bỏ chẳng nhận, nên gọi là “Không chấp trước”.

Số câu: “Trước là nhớ nghĩ về giáo pháp, thành tựu lợi ích”: Có mười bảy tâm. Thứ nhất, Hoan hỉ là chung, mười sáu tâm còn lại là riêng.

Một: Tin tưởng thanh tịnh, tức tin, vui thích nghe pháp.

Hai: Trên cầu đạt đạo, dưới hóa độ chúng sanh.

Ba: Pháp lạc là vui nơi Thiên

Bốn: Dững mãnh cầu tiến tới.

Năm: Mừng vui với chỗ đạt được.

Sáu: Bi, trí cùng thể hiện.

Bảy: Chẳng giữ lấy, chẳng sinh khởi.

Tám: Dùng đức để trang nghiêm.

Chín: Chẳng vướng mắc nơi muôn cảnh.

Mười: Chẳng ngăn ngại việc dấy khởi tu tập.

Mười một: Ta, vật bằng nhau.

Mười hai: Không bị tâm sai khiến.

Mười ba: Không trụ mà trụ.

Mười bốn: Xứng hợp với lý, hiện hữu khắp.

Mười lăm: Thấy tướng Phật uy nghiêm.

Mười sáu: Chẳng rời bỏ trí Phật.

Số câu: “Biện minh về phần sau: Hành hóa nẻo sâu xa vi diệu”:

Văn nơi phần Số giải gồm năm:

Một: Nêu chung để khiến tin tưởng.

Hai: Từ câu: “Nhưng Đồng tử Thiện tài” tiếp xuống: Là nêu ra tâm nghi ngờ.

Ba: Từ câu: “Hành theo hướng trái nghịch khó nhận biết” tiếp xuống: Dẫn ra ý nghi hoặc kia.

Bốn: Từ câu: “Tham lợi ích” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vấn nạn ngầm.

Năm: Từ câu: “Gọi là sâu xa, huyền diệu” tiếp xuống: Là chỉ rõ chỗ sâu xa, huyền diệu kia. Phần này gồm hai: Thứ nhất: Nêu lên. Thứ hai: Nói về sự chứng đắc. Có thể nhận biết.

Số câu: “Thứ tám là vua Đại Quang dựa nơi Hành khó đạt được”: Nguyên lực không chướng ngại nên có thể đạt được.

Số câu: “Hai mươi tám Tướng tức Nhân chưa viên mãn”: Chưa thấy Kinh Luận nên thiếu tướng Vô Kiến và tướng lông trắng giữa mày, tướng lưỡi dài rộng phát ra phạm âm. Do Kinh Thiện Sanh v.v... so sánh về mức độ thù thắng nhất. Nghĩa là nói ba mươi tướng không bằng một tướng lông trắng, ba mươi một tướng không bằng một tướng Ô-sát-ni-sa. Tổng hợp thì không bằng tướng giữa ngực của Như Lai xuất ra nghĩa âm Phạm, hợp với việc đem hai mươi chín tướng để so sánh với tướng lông trắng. Trong ba mươi tướng thì một là phạm âm, lưỡi dài rộng không có văn nêu...

Số câu: “Thứ chín là Ưu bà di Bất Động dựa nơi hành pháp thiện”: Thuyết pháp, trao truyền cho người. Hành động trở thành khuôn phép cho mọi vật, xét chọn, tu tập về tất cả pháp.

Câu: “Trong năm pháp thì hai pháp đầu là đức bên trong được giữ vững”: Nhưng năm pháp ấy tức là năm sự được nhớ nghĩ trong phần nói về phần ở sau. Nghĩa là tư duy về phước đức, trí tuệ của Như Lai thấy đều thanh tịnh. Các pháp tổng trì, Tam muội chẳng thể nghĩ bàn. thần thông tự tại, biện tài vô ngại. Nghĩa là suy nghĩ, do nhân gì mà được năm đức ấy? Đức Phật kia bèn chỉ dạy phát mười thứ tâm:

Một: Nên phát tâm chẳng thể hủy hoại, để diệt trừ các thứ phiền não.

Hai: Nên phát tâm không gì có thể hơn, để phá bỏ mọi thứ chấp

trước.

Ba: Nên phát tâm không thoái sợ để hội nhập nơi pháp môn sâu xa.

Bốn: Nên phát tâm có thể gắng sức chịu đựng để cứu độ chúng sinh xấu ác.

Năm: Nên phát tâm không mê lầm để thọ sinh nơi khắp tất cả cõi.

Sáu: Nên phát tâm không hề chán đủ để mong cầu thấy Phật không chút dừng nghỉ.

Bảy: Nên phát tâm không biết đủ, thấy đều thọ nhận mọi mưa pháp của Như Lai.

Tám: Nên phát tâm suy nghĩ chân chính, làm phát sinh Ánh sáng của hết thảy pháp Phật.

Chín: Nên phát tâm an trụ, duy trì lớn để chuyển khắp pháp luân của tất cả chư Phật.

Mười: Nên phát tâm lưu thông rộng lớn, tùy theo chỗ mong muốn của chúng sinh mà ban cho họ các thứ pháp bảo.

**Giải thích:** Trong mười thứ tâm thì: Hai thứ đầu là xác nhận chỗ nhớ nghĩ về phước trí. Nay đạt được môn giải thoát, thứ nhất là: Tạng trí tuệ khó có thể làm cho khuất phục. Phần Sở giải đã dùng chỗ Phật chỉ dạy ở sau để giải thích về tướng. Bốn thứ tâm tiếp theo cũng thế. Hai là: Dùng tâm thứ ba là không thoái sợ để đối lại chỗ nhớ nghĩ về các pháp tổng trì. Nay đạt được môn tổng trì thứ ba là tất cả pháp bình đẳng. Ba là: Dùng tâm thứ tư là cứu độ chúng sinh xấu ác cùng tâm thứ năm là thọ sinh nơi các cõi để chỉ rõ về nhân của thần thông. Nay đạt được môn hành thứ hai là Bồ-tát thọ trì kiên cố. Thọ sinh khắp năm cõi để cứu độ các chúng sinh xấu ác là thần thông lớn, là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Bốn là: Dùng tâm thứ sáu là cầu Phật không biết chán, tâm thứ bảy là thọ nhận pháp không biết đủ để đối lại với phần Tam muội kia. Nay đạt được môn Tam muội thứ năm là tâm cầu tất cả các pháp không hề chán, mệt. Năm là: Dùng ba thứ tâm sau (tám, chín, mười) để chỉ rõ về nhân của biện tài vô ngại. Nay đạt được môn biện tài thứ tư là chiếu sáng về hết thảy các pháp. Ở nơi văn có thể nhận biết. Cho nên phần Sở giải đã dùng mười câu sau chỉ rõ về nhân để giải thích của năm pháp nay đạt được quả. Nhưng nhớ nghĩ về phước đức hàm chứa ở trong trí tuệ, nên nơi phần tiếp sau giải thích về mười pháp mới nói: “Trên đây đã dùng mười câu để giải thích về năm pháp môn, chính là cùng với phần sau suy niệm về năm pháp, chẳng theo thứ lớp để hiển bày chỗ

không hơn kém.

Sớ “Chính là nêu rõ về sự phát tâm vững chắc”: Tức nói về nhân của năm quả trước:

Một: Cầu đạt trí tuệ của Phật, tức cầu pháp Tam muội.

Hai: Cầu đạt mười lực của Phật, tức cầu trí tuệ.

Ba: Cầu đạt biện tài của Phật.

Bốn: Cầu đạt Ánh sáng của Phật. Tức là Tổng trì. Tổng trì dùng tuệ làm thể, nên gọi là Ánh sáng. Phần còn lại đều là hạnh nguyện thọ trì vững chắc.

Từ câu: “Phát tâm ấy” tiếp xuống: Là tổng kết về sự vững chắc.

Sớ câu: “Thứ mười là ngoại đạo Biến Hành, dựa nơi hành chân thật”.

- Phần văn chính thứ tư.

Sớ câu: “Nay, thứ nhất là Trưởng giả Thanh Liên Hoa, dựa nơi sự cứu giúp...”: Đại bi tăng trưởng để cứu giúp chúng sinh. Đại trí không vướng mắc nên lìa tướng của chúng sinh. Bi, trí không trụ chấp nên được mang tên ấy.

Sớ câu: “Hồi hương về thật tế, nghĩa chung nơi rộng lớn”: Cảnh giới của Phật với phương hướng tận cùng, trải rộng khắp pháp giới, chúng sinh giới.

Sớ câu: “Bốn phần trên đều có Sự, Lý, theo đấy mà xét”: Như nơi phần một: Nhận biết về chỗ dị biệt nơi thể của hương. Căn cứ nơi sự có thể nhận biết. Căn cứ nơi lý, như đốt hương, nghĩa là dùng lửa của trí để phát huy muôn hành tạo sự hiện hữu khắp. Hương xoa là dùng nước tánh tịnh hòa để tô điểm nơi Pháp thân. Hương bột là dùng trí kim cương để làm vỡ nát khiến không thật. Tức dùng trí cùng với tánh tịnh làm nơi chốn sinh khởi. Như phần hai, căn cứ nơi loại để biện minh về chỗ khác nhau. Nói: “Căn cứ nơi Lý”: Hương tức hành của tập khí. Nhân của cõi trời là tập khí của cõi trời xông đốt thành quả. Cho nên cũng là đạo, tập, từ cõi trời mà đến, ưa thích Ánh sáng, sự thanh tịnh... Các loại còn lại theo đấy mà xét “Nhưng ba là nhận biết về lực dụng”: Hai phần trên dựa theo văn, chỉ căn cứ nơi hương của thế gian, nhưng bao hàm phần căn cứ nơi lý. Còn đây thì văn tự gồm đủ cả hai. Như chánh pháp hữu vi v.v... là căn cứ nơi sự... Căn cứ nơi lý tức các hành đối trị. “Chỗ gọi là từ bi, quán bất định, là cùng đoạn trừ các thứ ác”: Như hương an tức có thể phá hủy tà ác. Trí tuệ của chánh kiến nên không ác gì mà chẳng đoạn trừ. Lại nữa, hành mười thiện v.v... sinh hương hoan hỉ. Như chiêm đàn trầm thủy v.v... tức xứng hợp với căn khí, hành bố thí, tạo sự an vui cho

mình, người v.v... Hương tăng trưởng phiền não như lan xạ v.v... Tức hành của ái nhiễm như hữu lậu, nhất định gia tăng vị ái. Hương diệt trừ phiền não, như Ngưu đầu chiên đàn. Tiên đà bà v.v... tức các trí nhãn v.v... khiến ở nơi pháp hữu vi sinh tham đắm theo ái v.v... là chỉ căn cứ nơi lý mà nói. Đây tức nhân thù thắng của cõi trời, người, chán lìa nẻo hữu vi, tức vô thường v.v... Hương từ bỏ kiêu mạn, phóng dật là nhãn nhục vô ngã, không buông lung v.v... Hương phát tâm niệm Phật tức tán thán về công đức của Phật, nói về nẻo hành tịnh độ v.v... hành quán sâu xa, chứng, giải pháp môn. “Chỗ thọ dụng của bậc Thánh” tức quán chân như không phân biệt. “Chỗ sai biệt của tất cả Bồ-tát”: Tức chỗ tu tập hơn kém của ba Hiền nơi thập Địa. “Hương nơi quả vị của tất cả Bồ-tát địa”: Là chỗ chứng đắc về Như, Trí có cạn sâu.

Sớ từ câu: “Hai là cõi người” tiếp xuống: Văn nơi phần Sớ giải gồm hai:

Một: Giải thích về hương “Tượng tượng”.

Hai: Giải thích chín thứ hương còn lại. Nơi phần một gồm hai chi tiết:

- Thứ nhất: Dựa theo sự để giải thích. Có thể nhận biết.

- Thứ hai: Từ câu: “Nếu dựa theo tâm Bồ đề...” tiếp xuống: Là căn cứ nơi pháp để hiển bày mười nghĩa:

Một là: “Giống Như Lai Tạng” tức là hiện bày về tướng. Hương của tâm Bồ đề tợ như Như Lai Tạng. Như Lai Tạng là chân tâm của bản giác, tánh đức tròn đủ nên xứng hợp với lý. Phát tâm nên tương tợ.

Hai là: “Nhân nơi thiện ác cùng tranh mà sinh”: Tức cùng nhân nơi Rong tranh đấu đến mà sinh. Kinh Sáu Ba-la-mật nói:

*“Thiện ác cùng huân tập  
Giống như hai voi đấu  
Con yếu phải bỏ chạy  
Vọng dứt, không đến đi.”*

- Luận Khởi Tín viết: “Chân như huân tập vô minh, nên có thể phát tâm chán lìa sinh tử, cầu đạt Niết-bàn”.

Ba là: Từ câu: “Như một sự phát tâm” tiếp xuống: Là nói về sự xuất hiện.

Bốn là: “Tuôn xuống trận mưa pháp”: Là nói về sự thành tựu.

Năm là: Từ câu: “Chỗ tâm đạt được” tiếp xuống: Là nói về sự thanh tịnh.

Sáu là: Đạt được pháp hỷ lạc tức an ổn.

Bảy là: Lìa mọi khổ của nghiệp hoặc, tức là phương tiện.

Tám là: Lần lượt đẩy khởi tâm Từ tức là cảnh giới.

Chín là: Chí nguyện hoàn toàn thanh tịnh, tức là uy đức. Cũng là dụng của nghiệp chung cho bảy thứ trước.

Số từ câu: “Chín thứ hương còn lại” tiếp xuống: Là phần hai, giải thích chín thứ hương còn lại. Nói: “Năm thứ tiếp theo, như thứ lớp là hương của năm phần Pháp thân: Tức về giới, định có thể nhận biết. Ba là: “Vua cùng bốn binh đều vọt lên không”: Tức tuệ chứng đặc về Không. Bốn là: “Tâm niệm nơi Phật để thoát khỏi năm dục”. Năm là: “Tập hợp nghe pháp là tri kiến. Phần còn lại có thể theo đấy mà xét.

Số câu: “Thứ hai là Thuyền trưởng Bà thi la dựa nơi hồi hương chẳng hủy hoại”: Do đạt được mười thứ thiện căn của sự tin tưởng không hủy hoại, nên gọi là “chẳng hoại”.

Số từ câu: “Phật đạo là cao” tiếp xuống: Đoạn kinh theo bản dịch mới thì ở đây có mười sự, năm đối. Nay kinh chỉ có bốn đối, thiếu đối thứ tư là An, Nguy. Phần Số giải chỉ lược nêu rõ về tướng. Nhưng nói “vân vân” là chỉ cho các nghĩa còn lại. Nói đủ về tướng của quán nên có nhiều ý:

Một: Chẳng hủy hoại tướng. Tức năm là có thể nương dựa. Năm là chẳng thể nương dựa.

Hai: Chẳng hủy hoại tánh. Tức chẳng thấy cao, thấp, không có bằng phẳng, hiểm trở. Phần này gồm:

- Thứ nhất: Không cao thấp. Do đó kinh nói: “Chẳng thấy một pháp nào là pháp Phật. Chẳng thấy một pháp nào chẳng phải là pháp Phật”. Kinh Kim Cương viết: “Là pháp bình đẳng, không có cao thấp”

- Thứ hai: “Trụ nơi chánh đạo”: Tức không phân biệt là tà, là chánh.

- Thứ ba: Chẳng thấy nghiệp hoặc cho là đối tượng được đoạn trừ. Chẳng thấy trí tuệ dùng làm chủ thể đoạn trừ. Chẳng phải là có phiền não, chẳng phải là lìa phiền não.

- Thứ tư: Chẳng thấy sinh tử là tạp loạn. Chẳng thấy Niết-bàn là tịch tĩnh. Sinh tử, Niết-bàn, hai cảnh giới không sai biệt nên không có An, Nguy.

- Thứ năm: Không có lớn nhỏ. Ba thừa cùng một thừa chẳng phải là thừa...Nên ba tánh cùng với tướng, cả hai cùng kết hợp, chẳng hủy hoại.. Tức tuy không cao thấp mà không hủy hoại cao, thấp. Không cao không thấp là sự cao đích thực. Mỗi mỗi đều khế hợp nơi ba nghĩa trên, tức là ý của ba quán. Bốn là dùng “Vô sở đắc” làm phương tiện, một lúc quán đủ, tức một gồm đủ tất cả mới là quán chân thật.



Sớ câu: “Như biển Phật pháp”: Dựa theo phần tiếp sau đề cao chỗ hơn nên có nhiều biển. Chỉ lược nêu hai thứ, phần còn lại theo đấy có thể nhận biết.

Sớ câu: “Sắc, Vô sắc cùng dựa nơi Định của Tâm thức. Kiếp số cạn sâu”: Chìm nơi Không, vửng nơi tịch tức là nghĩa trôi nổi quanh co. Vô sắc, thứ nhất là hai vạn, càng về sau thì tăng hai hai. Phi tướng tám vạn kiếp là sâu, hai vạn tức cạn. Cõi Sắc không có sự khác nhau của ngày đêm. Kiếp số bằng thân lượng, tức Sơ thiên là cạn nhất, càng lên trên thì dần dần sâu. Chưa có vô tướng, đều là định của tâm thức, nên là tướng của tâm thức.

Sớ câu: “Có phương tiện là vững chắc”: Tức nơi địa thứ bảy đã nêu.

Sớ câu: “Lại cho tu hành có trụ, không trụ”: Trên là căn cứ nơi ngoại cảnh, là tám thứ gió của thế gian. Còn đây là căn cứ theo chỗ tu hành chính đáng. Không trụ là thuận với nẻo xuất ly, có trụ là ngược lại. Lại nữa, có trụ là thuận theo dòng chảy sinh tử. Không trụ là ngược lại.

Sớ câu: “Nếu chia phần thứ ba, thứ năm, thì mỗi phần đều có ba sự”: Ba sự trong phần thứ ba là:

Một: Chỗ cạn sâu trong sự trôi nổi quanh quẩn.

Hai: Chỗ xa gần của sóng dậy.

Ba: Chỗ tốt xấu của sắc nước.

Ba sự trong phần thứ năm là:

Một: Nhận biết về chỗ chắc chắn, dễ vỡ nơi gỗ, sắt của thuyền kia, các bộ phận chính bị trục trặc hay thuận hợp.

Hai: Chỗ lớn nhỏ của vùng nước.

Ba: Chiều thuận, nghịch của gió.

Hai phần này mỗi phần đều có ba là sáu, cộng với ba thứ còn lại là chín. Từ câu: “Như thế” tiếp xuống: Là tổng kết, tức mười. Có thể đi tức đi. Có thể dừng tức dừng. Tuy là tổng kết mà nghĩa chính là một.

Sớ câu: “Thứ ba là Trưởng giả Vô Thượng Thắng dựa nơi pháp Hồi hương cùng với tất cả Phật”: Nghĩa là cùng đồng với tất cả Như Lai của ba đời. Chủ thể hồi hương là đạo. Đối tượng được hồi hương là Thiện. Từ câu: “Do đạt được sự thông hợp thù thắng” tiếp xuống: Là giải thích về tên gọi. Đây là căn cứ nơi chỗ chứng đạt pháp để giải thích. Nơi phần sau là căn cứ theo chỗ dựa vào quả vị để giải thích.

Sớ câu: “Do cùng với chư Phật hồi hương, chẳng thấy tốt xấu”: Đoạn kinh kia viết: “Như thế là lúc tu học, hồi hương về đạo, nhận thấy



tất cả sắc cho đến xúc pháp, hoặc đẹp hoặc xấu chẳng sinh yêu ghét. Tâm được tự tại, không có các lầm lỗi, thanh tịnh rộng lớn, hoan hỷ, vui thích, lìa mọi thứ sầu lo, thân tâm điều hòa nhẹ nhàng, các căn thanh tịnh”.

Sớ câu: “Thứ tư là Hồi hướng đến tất cả nơi chốn. Bạc thiện hữu là Tỳ kheo ni Sư Tử Tần Thân”: Tức do diệu lực của đại nguyện nên khiến gồm đủ thiện căn, chỗ thành tựu về cúng dường cùng hiện hữu khắp tất cả.

Sớ câu: “Một là cây rừng vô lậu”: Phần nhiều là dựa theo kinh Tịnh Danh, phẩm Phật đạo, Kệ viết:

*“Tổng trì là Hoa viên  
Cây rừng: pháp vô lậu  
Giác ý: Hoa tịnh diệu  
Quả: Trí tuệ, Giải thoát  
Tám giải thoát: Ao tắm  
Nước định, trong và đầy  
Phủ bầy thứ hoa tịnh  
Tắm cho người không bẩn”.*

Sớ “Đây gọi là Thủy Thiên”: Trong giáo pháp tổng trì có cõi trời này.

Sớ câu: “Địa thứ nhất chứng phát tâm”: Trong phần Sớ giải, tùy chỗ khó chỉ giải thích hai câu. Nay sẽ giải thích tóm lược. Địa thứ hai là ba tu viên mãn địa thứ ba tu tám thiền. Địa thứ tư là vô hành, hành vô sinh nên có Ánh sáng của trí tuệ. Địa thứ năm như nơi phần Sớ giải. Địa thứ sáu là Bát-nhã hiện tiền, soi chiếu khắp nên thấy đều đạt được. Địa thứ bảy hành thù thắng nơi trung đạo, tu tập tất cả pháp Bồ đề phần, nên gọi là “Trang nghiêm khắp”. Địa thứ tám đạt pháp nhãn vô sinh, ở nơi ba thế gian thấy đều tự tại. Đạt được nhãn như hư không, niệm niệm hội nhập vào dòng chảy của pháp. Địa thứ chín dùng “Vô sở đắc” làm phương tiện, Lực độ riêng tăng trưởng, gồm đủ biện tài, diễn giảng tất cả pháp làm trang nghiêm. Địa thứ mười thì mười chương ngại đã được phá bỏ, mười độ đã tròn, ba A-tăng-kỳ đã đủ.

Sớ câu: “Trí luận quyển thứ tám viết: Tất cả Tam muội đều hội nhập”: Luận có dụ, nêu: “Ví như biển lớn”. Nghĩa là như trăm sông đổ về biển lớn. Lại nói: “Có người cho: Vương Tam muội là ở nơi Thiên thứ tư. Có người nói: Tam muội của Phật thì ai có thể nhận biết về tướng? Tất cả pháp Phật là một tướng, vô tướng. Vô lượng, vô số chẳng thể nhận biết, chỉ có Phật mới có thể thấu tỏ. Chỗ thần túc, trì giới của

Phật hãy còn không thể nhận biết, huống chi là tất cả Tam muội.” Giải thích: Đây chính là tán thán về sự thù thắng.

Sớ câu: “Thứ năm là Hồi hương vô tận công đức tạng. Bạc Thiện hữu tên là Bà-tu-mật-đa”: Do diệu lực của hồi hương, nên có thể thành tựu tạng công đức vô tận.

Sớ câu: “Thứ sáu là Hồi hương nhập nơi tất cả thiện căn bình đẳng bạc Thiện hữu tên là Tỳ-sắt-chi-la”: Sự, lý không trái nên đều hội nhập nơi lý bình đẳng.

Sớ câu: “Kinh Lăng Già cũng nói: Không có Niết-bàn - Phật. Không có Phật - Niết-bàn”: Tức nơi phân đầu của kinh, Bồ-tát Đại Tuệ tán thán Như Lai nhận biết đầy đủ về ba tánh để thành ba thân. Phần thứ nhất có bốn kệ nêu rõ chỗ thấu tỏ về Biến kế, Y tha, nghĩa là lia mọi sinh diệt nơi thế gian như nơi phẩm Mười Nhẫn đã dẫn. Nay, ở đây tức tán thán chỗ gồm đủ về Viên thành. Kệ viết:

*“Tất cả không Niết-bàn  
Không có Phật - Niết-bàn  
Chẳng có Niết-bàn - Phật  
Xa lìa Giác, Sở giác.  
Hoặc có hoặc không có  
Hai ấy thấy cùng lìa  
Mâu ni: quán tịch tịnh  
Vốn lìa mọi sanh khởi  
Đời này đời sau tịnh  
Gọi là chẳng chấp giữ.”*

Đoạn này có hai kệ rưỡi. Đại Vân giải thích: “Một kệ đầu khiến thấu tỏ về nhất như. Tức ở đây căn cứ nơi quán Vô nguyện để hiển bày về Viên thành. “Không Phật của Niết-bàn” nên là Vô nguyện. Câu đầu tức sắc, tâm cùng tất cả các pháp, trong đó không có Niết-bàn có thể nắm bắt, do hết thấy các pháp bản tính là Như. Nếu có được Niết-bàn là kiến chấp về thường, đoạn. Pháp diệt là đoạn. Chứng đắc là thường. Hai câu tiếp theo, đã không Niết-bàn thì làm sao có Phật? Nên phần tiếp sau của kinh viết: “Thấy đoạn trừ phiền não mà được thành Phật, đây tức là hủy hoại pháp Phật.” Vì phiền não cùng với Phật tánh vốn tịnh diệt, ba là trong câu bốn, đối tượng được giác là Như nên không có Niết-bàn. Chủ thể giác ngộ là Như nên không có được thành Phật. Lìa chủ thể giác, đối tượng được giác tức cùng đồng với một Như.”

**Giải thích:** Chỗ giải thích như trên, về lý là trọn vẹn. Nhưng văn dung hợp chưa khéo léo. Nay cho là: Câu đầu là loại trừ Niết-bàn tức

đối tượng được chứng đắc. Câu tiếp theo là loại trừ Phật tức chủ thể chứng đắc. Câu thứ ba là không có chỗ khế hợp của chủ thể, đối tượng. Câu thứ tư là tổng kết về nguyên do. Do lìa chủ thể, đối tượng nên đều không có. Không có tức nghĩa Không, đồng với một Như. Tiếp theo, từ câu: “Hoặc có” tiếp xuống: Hai câu, nêu rõ về chỗ chẳng sinh khởi hai kiến, chính là hiển bày về Viên thành, xa lìa lỗi lầm của kiến chấp. Kế trước phá chấp, ở đây là hiển bày về chỗ không vướng mắc. Câu đầu, người - pháp là có, vô ngã là không, hai chướng là có, vô tướng là không. Niết-bàn cùng Phật, ở đây tức là có. Lìa chủ thể giác, đối tượng được giác, đây tức là không. Điều thành lỗi của kiến chấp, nghĩa là cần phải lìa, nên viết: “Hai ấy thấy cùng lìa.” Một kệ sau nêu rõ về chánh quán của Mâu ni. Đây là tán thán về công đức tịch tĩnh của đức Thế Tôn, thấu tỏ hết thấy các pháp xưa nay đều tịch tĩnh. Không có một pháp mà cho là sinh. Kiến chấp về sinh đã mất là chẳng sinh, há có không sinh, không diệt? Nên không thể lấy cũng không thể bỏ. Chẳng phải là nhiễm, chẳng phải là tịnh, nên hai đời đều tịnh. Nay thứ nhất chỉ nêu dẫn hai câu đủ để chứng minh “Chẳng Bát Niết-bàn”.

Sớ câu: “Phật chủng từ duyên khởi. Phật duyên nơi lý sinh”: Câu trên là nơi kinh Pháp Hoa. Câu dưới là chỗ giải thích của Đại sư Đạo Sanh. Xưa có hai cách giải thích, đều như đã dẫn ở trước. Nay dẫn kiến giải của Đạo sư Đạo Sanh, chính là thuận theo câu: “Phật chủng vô tận” trong kinh. “Hóa thân của Phật cũng là thân thường trụ, Pháp thân” cũng là văn của kinh Đại Bát Niết-bàn. Quyển thứ hai mươi ba nơi kinh ấy nói: “Lại nữa, Thiện nam! Đoạn trừ phiền não chẳng gọi là Niết-bàn. Chẳng sinh phiền não mới gọi là Niết-bàn. Chư Phật, Như Lai, phiền não không dấy khởi, gọi là Niết-bàn. Trí Tuệ, vốn có, đối với pháp không bị ngăn ngại là Như Lai. Chẳng phải là phạm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, đó gọi là Phật tánh. Trí tuệ nơi thân tâm của Như Lai hiện hữu khắp vô lượng vô biên A-tăng-kỳ cõi, không hề bị chướng ngại, gọi là hư không. Như như thường trụ, không có biến đổi, gọi là Thật tướng. Do ý nghĩa này nên Như Lai thật sự hoàn toàn chẳng Niết-bàn”.

**Giải thích:** Đây đều nhằm nêu rõ về chỗ không có Niết-bàn vĩnh viễn diệt, tức là “Niết-bàn thường trụ chân thật”.

Sớ câu: “Thứ bảy là Hồi hướng cùng tùy thuận tất cả chúng sinh, bậc thiện tri thức tên là Quán Tự Tại”: Nghĩa là do thiện căn cùng với tâm thuận hợp tạo lợi ích cho các chúng sinh. Văn nơi phần Sớ giải gồm bốn:

Một: Giải thích tóm lược về tên gọi.

Hai: Từ câu: “Tại núi Bồ-đát-lạc-ca” tiếp xuống: Là lược giải thích về nơi chốn.

Ba: Từ câu: “Lại, Quán Tự Tại” tiếp xuống: Là giải thích rộng về tên của bậc Thiện tri thức.

Bốn: Từ câu: “Trong văn chỉ có” tiếp xuống: Là giải thích văn. Nay nói về phần một: Là chỗ quy hướng của ba nghiệp. “Như nơi đoạn sau, trong phần giải thích riêng, nói sáu thần thông luôn ứng phó với mọi duyên”: Tức thiên nhãn xem xa. Thiên nhĩ nghe xa. Tha tâm không nhận biết xa. thần túc đi tới nhanh. Túc mạng thông biết rõ về trường hợp có thể hóa độ. Lộ tận thông phiền cho đối tượng được giải thoát. “Thâu tóm” nghĩa là thâu nhận. “Lợi” tức là lợi lạc. Đều như phần tiếp sau của kinh. Từ câu: “Do đây” tiếp xuống: Là giải thích tên gọi dựa nơi quả vị.

Số từ câu: “Lại, Quán Tự Tại” tiếp xuống: Là phần ba, giải thích rộng về tên gọi của bậc thiện hữu. Có ba chi tiết:

Một là: Cùng nêu lên hai tên gọi.

Hai là: Từ câu: “Tiếng Phạm gọi là” tiếp xuống: Là cùng giải thích về hai tên gọi.

Ba là: Tùy theo chữ mà giải thích riêng. Nơi chi tiết “hai là” gồm năm:

- Thứ nhất: Do chỗ nặng nhẹ của tiếng Phạm mà phân thành hai tên gọi.

- Thứ hai: Từ câu: “Mà kinh Pháp Hoa” tiếp xuống: Là xác nhận về nghĩa Quán Âm. Tức nơi kinh kia, phần mở đầu của phẩm, đáp lại câu hỏi của Bồ-tát Vô Tận Ý. Phật bảo Bồ-tát Vô Tận Ý: “Nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh chịu các thứ khổ não, được nghe danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm này, một lòng xưng niệm danh hiệu, thì Bồ-tát Quán Thế Âm tức thì quán xét về âm thanh kia, khiến đều được giải thoát.”

**Giải thích:** Ở trên tức là ý chung, cũng gồm luôn tâm, lời.

- Thứ ba: Từ câu: “Nếu gồm đủ ba nghiệp” tiếp xuống: Là xác nhận về nghĩa tự tại. Cũng là văn nơi kinh Pháp Hoa, nơi phần đầu nêu lên. Đoạn tiếp sau dẫn ra tướng của ba nghiệp:

Một: Ngũ nghiệp: Xưng niệm danh hiệu tức dứt trừ bảy thứ tai họa. Kinh viết: “Nếu có người trì danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm này, cho dù vào nơi lửa lớn, lửa cũng chẳng thể thiêu đốt, vì do diệu lực nơi uy thần của Bồ-tát ấy” (thứ nhất). Nếu bị nước lớn cuốn trôi, xưng

niệm danh hiệu của Bồ-tát này liền vào được chỗ cạn (thứ hai). Hoặc có trăm ngàn vạn ức chúng sinh vì tìm kiếm các thứ báu như vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, san hô, hổ phách, ngọc trai, mà đi vào chốn biển cả, giả sử bị gió dữ thổi dạt thuyền bè họ trôi tấp nới nước của quỷ La sát, trong số những người này nếu có dù chỉ một người xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, thì tất cả đám người kia đều được giải thoát khỏi nạn quỷ La sát. Do nhân duyên ấy nên tên là Quán Thế Âm (thứ ba). Nếu lại có người sắp sửa bị hại, xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, thì đao gậy của người cầm để hãm hại liền gãy từng đoạn, và người sắp bị hại kia được giải thoát”. (Thứ tư). Phần tiếp sau dùng ý để dẫn. Ở trên là:

- Lửa chẳng thể thiêu đốt.
- Nước chẳng thể cuốn trôi.
- Gió dữ chẳng thổi...
- Đao gậy bị gãy từng đoạn.
- Quỷ ác không thể trông thấy.
- Gông cùm đều lìa khỏi thân.
- Giải thoát khỏi oán tặc.

Hai: Thân nghiệp. Lễ bái thì hai nguyện được viên mãn. Tức, ví như có người nữ muốn cầu con trai, liền sinh con trai phước đức, trí tuệ. Ví như muốn cầu con gái, liền sinh con gái có tướng xinh đẹp.

Ba: Ý nghiệp. “Giữ lấy niệm, làm thanh tịnh ba độc”: “Như có chúng sinh nặng về dâm dục, thường cung kính xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, liền được lìa dục. Nếu người nặng về giận dữ, có nhiều ngu si... cũng dựa theo như trên.” Đây tức là chỗ quy hướng của ba nghiệp. Kinh kia đã lược nêu lên. Nếu dựa theo phần sau của kinh cùng văn nơi kệ thì đối với chúng sinh nguy khổ, hầu hết đều ứng hiện kịp thời, theo phương tiện mà cứu độ. Đây là tự tại.

- Thứ tư: Từ câu: “Nhưng nay phần nhiều đều niệm” tiếp xuống: Là tóm kết xác nhận về tên gọi Quán Âm.

- Thứ năm: Từ câu: “Nay dùng nghĩa” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận về tên gọi tự tại. Trên là theo tướng chung mà giải thích.

Sớ từ câu: “Nhưng Quan tức là” tiếp xuống: Là chi tiết “Ba là” tùy theo chữ mà giải thích riêng. (Chi tiết “Hai là”: Tức cùng giải thích về hai tên gọi).

Sớ câu: “Quan tức chủ thể quán xét, hiển bày chỗ thuộc về Bồ-tát, chung cho tất cả sự quán xét”: Đây tức ý của Đại sư Trí Giả. Nhưng văn nơi phần diễn đạt ấy thì nhiều, rộng. Nay chỉ chọn lấy ý để giải

thích. Nghĩa là ba nghiệp quy về nương dựa nơi quán là thông suốt nơi tâm. Mắt thấy rõ các tướng mà không bị vướng mắc, là thấu triệt thể tánh là Không, chẳng có chướng ngại. Nhất thiết chủng trí quán xét về viên, đốn. Cho nên kinh Pháp Hoa viết:

*“Quán đúng, quán thanh tịnh  
Quán trí tuệ rộng lớn  
Quán Bi cùng quán Từ  
Luôn nguyện, luôn chiêm ngưỡng  
Sáng thanh tịnh, dứt cấu  
Tuệ nhật diệt mọi ám  
Trừ tai họa gió, lửa  
Chiếu sáng khắp thế gian”.*

Đều là nghĩa của quán xét. Nói: “Thế gian là đối tượng được quán xét, chung cho tất cả thế gian”: Thế gian lược có ba loại, tức là ba thế gian: Như núi sông dốc cao, hang sâu, các nơi chốn hiểm nạn v.v... là “Khi thế gian”. Vô lượng chúng sinh tức là “Chúng sinh thế gian.” Cũng quán về Phật kết hợp chúng sinh hiện có thường ở nơi trú xứ của tất cả Như Lai, tức là “Thế gian của trí quan sát chánh giác”.

Từ câu: “Nếu gọi là tự tại” tiếp xuống: Là xét văn theo nghĩa. Tự tại tức là rộng, thẳng. Theo tên gọi nói tự tại thì trở lại có giới hạn, thiếu về đối tượng quán xét. Nhưng có chủ thể quán xét ắt có đối tượng được quán xét. Không như thế thì ở nơi cái gì mà được tự tại? Chủ thể, đối tượng không hai, chẳng hủy hoại chủ thể, đối tượng. Một quán xét thì tất cả quán xét... là sự quán xét đích thực.

Sớ câu: “Lại khiến quy hướng về chỗ sự việc gốc”: Sự việc gốc tức là Phật A-di-đà. Người niệm, tụng trước danh hiệu Bổn sư (thầy gốc), trên đỉnh đầu của Bồ-tát Quán Tự tại có vị Hóa Phật tức là Phật A-di-đà.

Sớ câu: “Lại nữa, môn tức là Phổ môn. Phổ môn thị hiện sự tế độ khắp, không hề sót”: Tức dùng chữ Phổ môn để giải thích chữ “Hành môn” trong kinh. Tên gọi Phổ môn, là nơi kinh Pháp Hoa, phẩm Quán Âm. “Quán xét, tế độ khắp, không hề sót” là phần giải thích của Đại sư Đạo Sinh. Văn đầy đủ là: “Tế độ khắp, không hề sót, tức là phổ - toàn bộ - Từ chỗ tỏ ngộ thông hợp với nẻo thần diệu, đó là môn”. Theo Đại sư Trí Giả của Tông Thiên Thai thì có mười thứ phổ, toàn bộ:

Một: Toàn bộ về từ bi.

Hai: Toàn bộ về thệ nguyện rộng lớn.

Ba: Toàn bộ về tu hành.

Bốn: Toàn bộ về chỗ lìa bỏ phiền não.

Năm: Toàn bộ về sự hội nhập pháp môn.

Sáu: Toàn bộ về thần thông.

Bảy: Toàn bộ về phương tiện.

Tám: Toàn bộ về thuyết pháp.

Chín: Toàn bộ về sự thành tựu cho chúng sinh.

Mười: Toàn bộ về sự cúng dường chư Phật.

Mười nghĩa này, mỗi mỗi nghĩa đều xứng hợp với sự hiện hữu khắp về nẻo thật. Nay kinh hiện tại, phần văn sau nói về nghiệp dụng đã nêu tóm lược về mười một môn tức là mười một thứ toàn bộ (phổ).

Sớ câu: “Nhưng bậc Đại Thánh thành chánh giác đã lâu”: Tức nơi kinh Thiên thủ Thiên Nhân Đà-la-ni, dựa vào kinh Vô Lượng Thọ để nói về việc kế tục Phật Vô Lượng Thọ sẽ được làm Phật, hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương. Cũng là “Tích môn”.

Sớ câu: “Theo kinh Pháp Hoa thì có ba mươi lăm sự ứng hiện”: Tức đoạn Bồ-tát Vô Tận Ý hỏi đức Thế Tôn: “Bồ-tát Quán Thế Âm đã du hóa nơi thế giới Ta Bà này như thế nào? Thuyết pháp cho chúng sinh như thế nào? Diệu lực của phương tiện, sự việc ấy được thể hiện ra sao? Đức Thế Tôn nói với Bồ-tát Vô Tận Ý: Nếu có chúng sinh nơi cõi nước nào nên dùng thân Phật để có thể hóa độ thì Bồ-tát Quán Thế Âm liền hiện thân Phật, vì những chúng sinh ấy mà thuyết pháp” (thứ nhất).

Thứ hai: Thân Phật Bích Chi.

Thứ ba: Thân Thanh văn.

Thứ bốn: Thân Phạm Vương.

Thứ năm: Thân Đế Thích.

Thứ sáu: Thân Tự Tại Thiên Vương. Thứ

bảy: Thân Đại Tự Tại Thiên Vương. Thứ

tám: Thân Thiên Đại Tướng quân. Thứ

chín: Thân Tỳ Sa Môn.

Thứ mười: Thân Tiểu Vương.

Thứ mười một: Thân Trưởng giả.

Thứ mười hai: Thân Cư sĩ.

Thứ mười ba: Thân quan Tể tướng.

Thứ mười bốn: Thân Bà-la-môn.

Thứ mười năm: Thân Tỳ kheo.

Thứ mười sáu: Thân Tỳ kheo ni.

Thứ mười bảy: Thân Ưu bà tắc.

Thứ mười tám: Thân Ưu bà di.



Thứ mười chín: Thân phụ nữ của Trưởng giả.  
 Thứ hai mươi: Thân phụ nữ của Cư sĩ.  
 Thứ hai mươi mốt: Thân phụ nữ của Quan Tể tướng.  
 Thứ hai mươi hai: Thân phụ nữ của Bà-la-môn.  
 Thứ hai mươi ba: Thân Đồng nam.  
 Thứ hai mươi bốn: Thân Đồng nữ.  
 Thứ hai mươi năm: Thân hàng Trời.  
 Thứ hai mươi sáu: Thân loài Rồng.  
 Thứ hai mươi bảy: Thân Dạ-xoa.  
 Thứ hai mươi tám: Thân Càn-thát-bà.  
 Thứ hai mươi chín: Thân A-tu-la.  
 Thứ ba mươi: Thân Ca-lâu-la.  
 Thứ ba mươi mốt: Thân-khẩn-na-la.  
 Thứ ba mươi hai: Thân Ma-hầu-la-già.  
 Thứ ba mươi ba: Thân người.  
 Thứ ba mươi bốn: Thân hàng phi nhân.  
 Thứ ba mươi năm: Thân thần Chấp Kim cang.  
 Tất cả đều như câu thứ nhất.

Về thứ lớp nơi nghĩa đã thêm. Do nơi Trưởng giả, Cư sĩ, quan Tể tướng, Bà-la-môn cùng là một, tức hiện thân Phụ nữ để vì các chúng sinh ấy mà thuyết pháp, nên về người gồm có ba mươi hai sự ứng hiện. Về lý thật rơi bốn loại, mỗi loại đều chẳng đồng. Trong phẩm Diệu Âm có đoạn: “Hoặc hiện thân phụ nữ của Trưởng giả, Cư sĩ. Hoặc hiện thân phụ nữ của quan Tể tướng, hoặc hiện thân phụ nữ của Bà-la-môn”, nên biết rõ về bốn loại có bốn phụ nữ. Huống chi trong phẩm Diệu Âm còn có Thân Chuyển Luân Vương, Thân Bồ-tát. Lại thêm các cõi địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh cùng các Xứ nạn, đều nên cứu độ, há không có sự hiện thân nơi các cõi kia? Tức ba mươi năm sự ứng hiện cũng chưa là tận cùng. Nếu chia bốn phụ nữ đều thành hai người, cho thê, nữ riêng, thì ở đây đã có ba mươi chín. Cho nên biết rõ việc quán xét về âm thanh nơi các Đại Bồ-tát đều có thể hóa hiện thành vạn loại. Do đấy, về số lượng đều chỉ là lược nêu lên.

Số câu: “Chính là trong đó hoặc hiện sắc thân và thuyết pháp”: Do nơi ba mươi năm sự ứng hiện kia đều nói: “Liên hiện thân ấy để vì họ mà thuyết pháp”. Đây đủ như nơi câu thứ nhất. Cho nên biết chỗ chung là hai nghĩa ấy.

Số câu: “Đều là sự việc trong năm sự sợ hãi”: Dựa theo Luận Thập Địa thì năm sự sợ hãi thấu tóm các sự sợ hãi. Nếu là kinh với bản



dịch mới thì nơi phần văn sau có Tụng, mỗi mỗi đều tụng đủ về mười tám thứ sợ hãi ấy. Kinh Pháp Hoa, phần kệ nơi phẩm Quán Âm cũng không tách rời các sợ hãi ấy. Do sợ văn nhiều nên không dẫn. Nay sẽ lược nêu rõ về năm thứ đầu tóm. Năm thứ ấy phần nhiều căn cứ nơi quả, lược do hai nhân:

Một: Tà trí, vọng chấp về ngã kiến, sinh tham đắm nơi ái. Tức nhân của các sợ hãi về chết, về tiếng xấu, về chẳng sống.

Hai: Thiện căn kém, ít. Tức nhân của các sợ hãi về cõi ác về đại chúng. “Nay, mười tám thứ ấy có chung nhân”: Nhưng về “đường hiểm” có hai:

- Nếu là đường hiểm của thế gian, thì thuộc sợ hãi về chết, về chẳng sống.

- Nếu nhân của cõi ác là hiểm, tức là tà trí.

+ “Nhiệt não” có ba:

- Một là nhiệt não do mất tài sản, thuộc sợ hãi về chẳng sống.

- Hai là nhiệt não do ở nơi đông đảo. Tức thuộc sợ hãi về đại chúng về tiếng xấu.

- Ba là nhiệt não độc hại, tức là nhân của sợ hãi.

+ “Mê lầm” có hai:

- Hoặc mê lầm có tính chất một phần tức thuộc sợ hãi về chẳng sống, về nhiệt não do ở nơi đông đảo.

- Hoặc tâm mê lầm. Là nhân của sợ hãi về đại chúng.

“Trói buộc” cũng thuộc sợ hãi về chẳng sống.

“Sát hại” thì thuộc sợ hãi về chết.

“Tối tăm”, “dời đổi” thì có hai ý:

- Tối tăm, dời đổi của hiện tại đều thuộc sợ hãi về chẳng sống.

- Tối tăm của cõi ác, dời đổi của ba đường dữ, tức thuộc sợ hãi về cõi ác.

- Sự sợ hãi về yêu thương phải biệt ly chính chỉ thuộc sợ hãi về chết bao gồm sợ hãi về chẳng sống.

- Sự sợ hãi về oán thù gặp nhau chính chỉ thuộc sợ hãi về cõi ác cũng gồm luôn sợ hãi về chẳng sống.

- Sự sợ hãi về thân bị bức bách là thuộc sợ hãi về chết và chẳng sống.

- Sự sợ hãi về tâm bị bức bách thì sự sợ hãi về đại chúng cùng sự sợ hãi về tiếng xấu.

- Sự sợ hãi về lo buồn là tướng trạng của hai sự sợ hãi chẳng sống và chết. Cũng chung cho ba thứ còn lại.



Sớ câu: “Tức nhân của chủ thể lia”: Tức là ba nghiệp trở về, nương tựa nơi nghiệp của bậc Thiện tri thức, thì có thể khiến giải thoát, trụ nơi chánh niệm. Tức không có Ngã, Ngã sở, tà trí.

Sớ câu: “Thứ tám là Bồ-tát Chánh Thú, dựa nơi hồi hướng chân như tướng”: Tức là thiện căn hòa hợp với Như thành hồi hướng.

Sớ câu: “Thứ chín là hồi hướng giải thoát không buộc, không vướng, bậc thiện hữu tên là thần Đại Thiên”: Chẳng bị trói buộc nơi tướng, chẳng bị vướng mắc nơi kiến giải, tác dụng tư tại, nên gọi là giải thoát.

Sớ câu: “Thứ mười là hồi hướng nhập vô lượng pháp giới. Bậc thiện hữu tên là Địa thần An Trụ”: Tức cùng dùng thiện căn của pháp giới hồi hướng về pháp giới.

